

Bản án số: 254/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/7/2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Dương Thị Kim Hồng; Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

**- Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Bà Phùng Thị Mai – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:**  
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 184/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 292/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 209/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị L, sinh năm 1994; ĐKKHKT: KDC Đ, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: Đ, thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

**Người được chị L ủy quyền giao nhận văn bản:** Anh Đoàn Hồng H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số A, đường T, KDC K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1985; ĐKKHKT: KDC Đ, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960 và bà Đồng Thị L2, sinh năm 1963; Địa chỉ: KDC Đ, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt nguyên đơn chị Đinh Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 09/01/2012 tại UBND xã C, thị xã C (nay là Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C), tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại khu dân cư Đ, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Trong thời gian chung sống chị và anh L1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn, phát triển kinh tế trong gia đình, dạy dỗ con. Đến cuối năm 2015 thì chị và anh L1 bắt đầu sống ly thân. Năm 2016 chị và anh L1 cùng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian ở Đài Loan anh chị cũng không ở cùng nhau, mỗi người một nơi, không gặp nhau và cũng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đầu tháng 3 năm 2024 chị về nước và chuyên về ở cùng bố mẹ đẻ tại Nam Định còn anh L1 vẫn ở lại Đài Loan đến nay vẫn chưa về. Mặc dù chị và anh L1 đã được bố mẹ, gia đình hai bên khuyên nhủ, hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Đến nay, chị nhận thấy mâu thuẫn giữa chị và anh L1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh L1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh L1 có 02 con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 03/7/2011 và Nguyễn Khánh L3, sinh ngày 01/01/2013. Hiện nay anh L1 đang ở nước ngoài nên chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận nên chị đề nghị được vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N, bà Đồng Thị L2 trình bày:* Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Văn L1, anh L1 hiện đang lao động ở Đài Loan. Anh L1 vẫn thường xuyên gọi điện về cho ông bà nhưng không nói cho ông bà biết địa chỉ cụ thể của anh tại Đài Loan nên ông bà không cung cấp

cho Tòa án được. Chị L và anh L1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã C năm 2012. Sau khi kết hôn chị L, anh L1 chung sống với nhau ở KDC Đ, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương và ở cùng với ông bà. Quá trình anh L1, chị L chung sống hay xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân là do không phù hợp về tính cách, lối sống, bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, nuôi dạy con cái. Ông bà nhiều lần động viên khuyên bảo nhưng cũng chỉ được 1 thời gian thì vợ chồng lại xảy ra cãi vã. Năm 2016 chị L, anh L1 cùng đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan nhưng mỗi người ở một nơi. Các con thì để ở nhà cho vợ chồng ông bà chăm sóc giúp. Đến tháng 3/2023 chị L về nước nhưng không về ở cùng với ông bà mà về nhà bố mẹ đẻ của chị L ở T, L, T, Nam Định sinh sống còn anh L1 vẫn ở lại Đài Loan đến nay chưa về nước. Khi Tòa án thụ lý vụ án đã giao cho ông bà các văn bản tố tụng và yêu cầu ông giao lại cho anh L1, ông bà đã thông báo cho anh L1 biết qua điện thoại, anh L1 nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị L và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ấy ly hôn và giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật. Nếu chị L không nuôi con thì anh L1 xin được nuôi cả hai con chung và ủy quyền cho vợ chồng ông chăm sóc các cháu cho đến khi anh L1 về nước, về tiền cấp dưỡng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định và theo quan điểm của chị L

*Cháu Nguyễn Khánh L3 trình bày:* Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với mẹ.

*Cháu Nguyễn Tiến Đ trình bày:* Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với bố và ông bà nội.

Theo xác minh tại Cục Q: Anh Nguyễn Văn L1 xuất cảnh lần gần nhất ngày 24/02/2018 hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Các đương sự đều vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1,2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016. Xử cho chị Đinh Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn L1; Về con chung: Giao 2 con chung là Nguyễn Tiến Đ, Nguyễn Khánh L3 cho chị L trực tiếp nuôi. Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa,

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn L1 có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại khu dân cư Đ, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương hiện đang làm việc, sinh sống tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Nguyên đơn chị Đinh Thị L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N, bà Đồng Thị L2 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh Nguyễn Văn L1 đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị L và anh Nguyễn Văn L1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 09/01/2012 tại UBND phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Chị L trình bày quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, dạy dỗ con và đã sống ly thân từ năm 2015. Nay xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L1. Anh L1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc. Ông Nguyễn Văn N và bà Đồng Thị L2 là bố mẹ đẻ của anh L1 trình bày về mâu thuẫn của chị L, anh L1 phù hợp với lời khai của chị L và xác định ông bà đã thông báo về các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh L1 biết, anh L1 nhất trí với quan điểm của chị L về việc giải quyết ly hôn và con chung, anh L1 không về Việt Nam được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Xét thấy chị L anh L1 sống ly thân từ lâu, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh L1.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị L và anh L1 có 2 con chung là Nguyễn

Tiến Đ, sinh ngày 03/7/2011 và Nguyễn Khánh L3, sinh ngày 01/01/2013. Chị L xin được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con. Ông N và bà L2 trình bày anh L1 có ý kiến nhất trí quan điểm của chị L về việc giải quyết con chung khi ly hôn. Trường hợp nếu anh L1 được giao nuôi con thì ông bà sẽ nhận chăm sóc các cháu trong thời gian anh L1 làm việc ở nước ngoài. Cháu Khánh L3 trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ, cháu Tiến Đ có nguyện vọng ở với bố và ông bà nội.

Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh L1 đang làm việc ở nước ngoài nên không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc các con. Chị L có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con chung và đều đảm bảo các điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Do đó để đảm bảo quyền lợi của các con chung, HĐXX chấp nhận đề nghị của chị L, giao cả 2 con chung là Nguyễn Tiến Đ, Nguyễn Khánh L3 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh L1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị L không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu do đó HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị L, xử cho chị Đinh Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn L1.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 03/7/2011 và Nguyễn Khánh L3, sinh ngày 01/01/2013 cho chị Đinh Thị L trực

tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Văn L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị L không yêu cầu và được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Án phí: Chị Đinh Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0000591 ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Đoàn Hồng H nộp thay).

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Dương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường T, thành phố C;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà**  
**( Đã ký)**

**Đoàn Thị Thu Thúy**